Từ vựng:

過不足：かふそく：thừa thiếu

手戻り：てもどり: làm lại

影響：えいきょう: ảnh hưởng

慎重：しんちょう: thận trọng

冷静：れいせい: bình tĩnh

実現性：じつげんせい: tính khả thi

要件定義は、先に出てきた要求定義を基にして、顧客が専門家であるシステム開発企業の協力を得たりしながらシステムかすべき項目、つまりシステムの「要件」を整理する工程です。整理した項目を文書化したものを「要件定義」と呼びます。要件定義は、システムの基となるバイブルのようなもので、重複、不足、矛盾などが存在してはいけません。ウォータフォール型開発モデルでは、万一、過不足や矛盾があっても、それに気づくのは後の工程です。そこから、大きな手戻りが発生することになります。

Định nghĩa yêu cầu là quá trình tổ chức các mục cần được tạo thành một hệ thống, tức là các "yêu cầu" của hệ thống, dựa trên định nghĩa yêu cầu đã đưa ra trước đó, với sự hợp tác của công ty phát triển hệ thống mà khách hàng là chuyên gia. Các hạng mục đã được sắp xếp và chuyển giao thành văn bản thì gọi là định nghĩa yêu câu của hệ thống. Định nghĩa yêu cầu của hệ thống giống như cẩm nang của hệ thống, không được tồn tại trùng lặp, thiếu sót, mẫu thuẫn… Mô hình phát triển Waterfall vẫn có khả năng có thiếu sót, mâu thuẫn nên quá trình sau mới nhận thấy. Từ đó, sẽ phát sinh viêc làm lại lớn.

手戻りは開発スケジュールを遅らせるだけではなく、開発コストにも直接影響しますので、可能な限り避けなければなりません。そのため、要件定義は開発プロセスの中でも、特に慎重かつ冷静に行うべき工程と言えます。Vì việc làm lại không chỉ làm chậm lịch trình phát triển mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành phát triển hệ thống nên phải tránh làm lại trong giới hạn khả năng. Do đó, trong quy trình phát triển định nghĩa yêu cầu của hệ thống cần đặc biệt thận trọng và bình tĩnh.

さらに、要件定義は作るものを定義する工程ですから、実現性についても十分検証されている必要があります。

Hơn nữa, vì xác định yêu cầu là quá trình xác định những gì sẽ thực hiện, nên cần phải xác minh đầy đủ tính khả thi của nó.